VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
TRUNG TÂM
NGHIÊN CỨU THỦY VĂN VÀ HẢI VĂN
———————— ~*~ ————————

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
————————o0o————————

BẢN TIN DỰ BÁO MỰC NƯỚC VÀ SÓNG BIỂN

(Lúc 13 giờ – ngày 17/02/2022)

Tỉnh/ TP	Huyện	Mực nước tổng cộng dự báo trong 48 giờ (cm)								
		17/02		18/02				19/02		
		13h	19h	1h	7h	13h	19h	1h	7h	13h
Quảng Ninh	Đầm Hà	196	-56	-116	23	190	-20	-110	-25	145
	Cửa Ông	177	-39	-121	29	176	-6	-106	-9	150
TP. Hải Phòng	Hòn Dáu	157	-20	-120	34	158	10	-101	2	140
	Bạch Long Vĩ	145	-44	-108	41	148	-15	-97	4	133
Thái Bình	Thái Thụy	147	-15	-115	37	149	13	-95	6	133
Nam Định	Hải Hậu	126	-3	-107	42	131	22	-87	17	123
Ninh Bình	Kim Sơn	121	0	-104	42	127	22	-83	20	120
Thanh Hóa	Quảng Xương	115	5	-100	38	120	26	-77	20	119
Nghệ An	Diễn Châu	100	15	-89	32	103	33	-66	20	113
	Hòn Ngư	95	16	-87	33	99	33	-65	20	109
Hà Tĩnh	Thạch Hà	84	22	-82	32	86	39	-62	21	99
Quảng Bình	Quảng Trạch	49	32	-68	37	49	48	-54	31	59
	Quảng Ninh	24	35	-51	40	26	47	-41	39	38
Quảng Trị	Gio Linh	2	35	-33	42	4	44	-28	46	16
	Còn Cỏ	0	29	-35	47	4	39	-30	50	17
Thừa Thiên Huế	Hương Trà	-18	33	-14	42	-16	38	-13	50	-3
	Phú Lộc	-35	31	4	40	-33	33	1	51	-21
TP. Đà Nẵng	Sơn Trà	-48	27	17	39	-45	28	11	53	-33
	Hoàng Sa	-62	1	37	41	-58	0	21	52	-49
Quảng Nam	Tam Kỳ	-61	23	31	39	-57	22	21	56	-44
	Cù Lao Chàm	-56	24	27	39	-53	23	18	55	-41
Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	-67	17	36	44	-63	15	23	61	-49
	Lý Sơn	-64	14	36	42	-60	13	23	58	-48
Bình Định	Phú Mỹ	-68	10	38	47	-62	8	22	63	-50
	Quy Nhơn	-71	8	37	46	-64	6	20	61	-50
Phú Yên	Tp. Tuy Hòa	-75	3	35	44	-67	0	16	55	-57
Khánh Hòa	TP. Nha Trang	-73	10	38	51	-67	5	18	58	-59
	Trường Sa	-75	7	38	52	-69	1	19	61	-57
Ninh Thuận	TP. PR-Tháp Chàm	-84	13	30	54	-80	7	11	62	-69
Bình Thuận	TP. Phan Thiết	-117	33	23	87	-99	14	12	80	-73
	Phú Quý	-89	15	32	61	-81	8	15	66	-67
Bà Rịa Vũng Tàu	Vũng Tàu	-96	-24	75	68	-46	-65	84	34	7
	Côn Đảo	-66	-64	87	55	-22	-94	96	20	31
TPHCM	Cần Giờ	-85	-28	81	63	-34	-72	95	26	21
Tiền Giang	Gò Công Tây	-83	-28	83	64	-30	-73	99	24	25
Bến Tre	Ba Tri	-76	-36	92	63	-23	-81	108	20	33
Trà Vinh	Duyên Hải	-69	-61	104	51	-14	-102	118	8	45
Sóc Trăng	Tân Phú	-39	-89	118	38	14	-125	133	-6	70
Bạc Liêu	TP. Bạc Liêu	8	-131	129	22	53	-155	139	-19	99
Cà Mau	Năm Căn	26	-129	99	32	52	-135	105	2	86
	Trần Văn Thời	24	-31	6	44	5	-34	19	31	41
Kiên Giang	Rạch Giá	17	36	-46	48	-10	15	-13	29	28
	Phú Quốc	47	21	-24	19	11	15	-9	18	31
	Thổ Chu	38	14	-8	16	4	9	-3	19	20

Vùng Biển	Độ cao sóng biển dự báo trong 48 giờ		
	Độ cao sóng lớn nhất (m)	Hướng thịnh hành	Ghi chú
Bắc vịnh Bắc Bộ	1.3 - 3.3	Đông Nam, Đông	Cảnh báo
Nam vịnh Bắc Bộ	0.9 - 2.7	Đông Nam, Đông	Cảnh báo
Quảng Trị đến Quảng Ngãi	1.1 - 1.5	Đông, Đông Bắc	
Bình Định đến Ninh Thuận	1.0 - 1.3	Đông Bắc	
Bình Thuận đến Cà Mau	0.3 - 1.2	Đông Bắc, Đông	
Cà Mau đến Kiên Giang	0.3 - 1.0	Đông Nam, Đông	
Quần đảo Hoàng Sa	1.4 - 1.6	Đông Bắc, Đông	
Quần đảo Trường Sa	1.1 - 1.4	Đông Bắc	
Bắc Biển Đông	1.1 - 3.1	Đông Bắc	Cảnh báo
Giữa Biển Đông	0.7 - 1.8	Đông Bắc	
Nam Biển Đông	0.7 - 1.6	Đông Bắc	

Tin phát lúc: **13 giờ 00**

Thời điểm phát tin dự báo tiếp theo: 13 giờ 00 ngày 18/02/2022

Người xây dựng bản tin: Trần Văn Mỹ

Người soát bản tin: Lê Quốc Huy

Biến trình mực nước tổng cộng tại 10 trạm Hải văn

(Cửa Ông, Hòn Dáu, Bạch Long Vĩ, Hòn Ngư, Sơn Trà, Quy Nhơn, Phú Quý, Vũng Tàu, Rạch Giá, Phú Quốc)

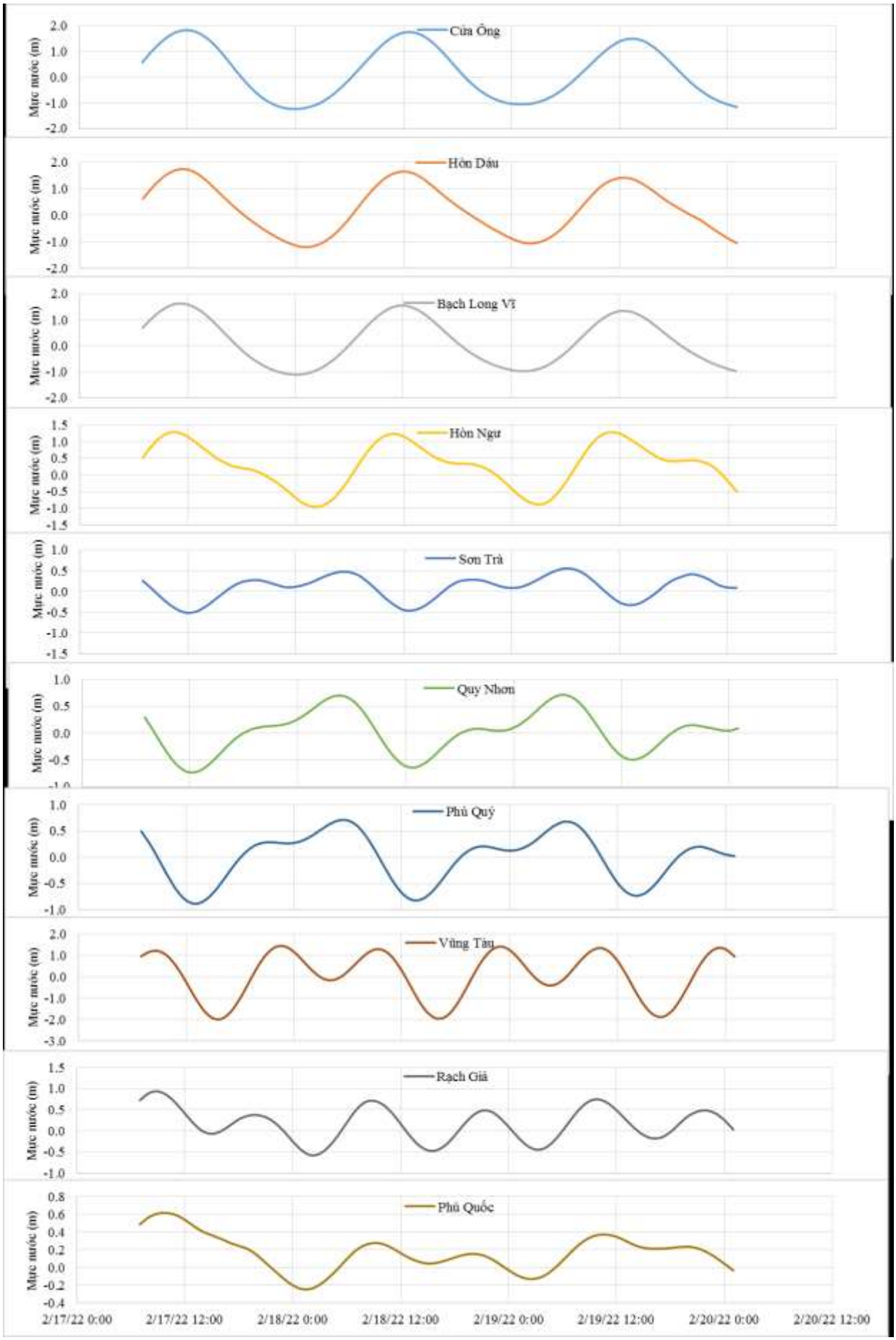

Phân bố độ cao sóng ven bờ và ngoài khơi biển Việt Nam

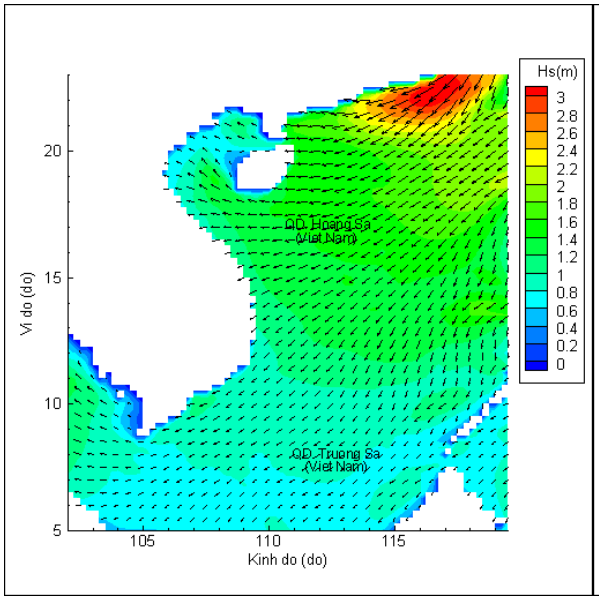

Lúc 13h ngày 17/02/2022

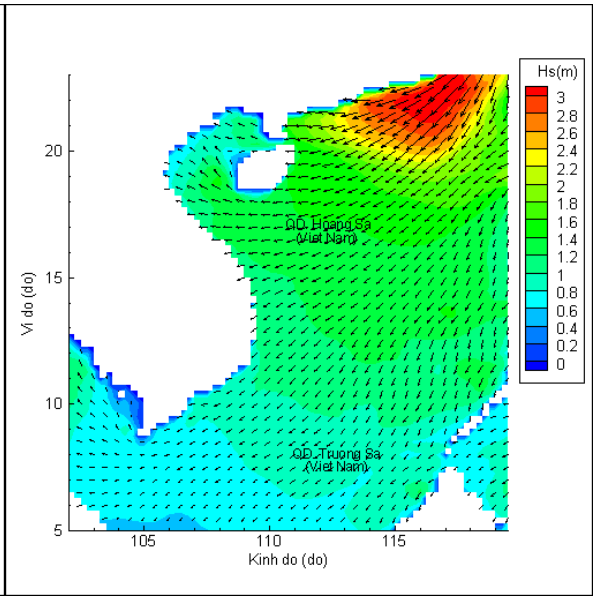

Lúc 19h ngày 17/02/2022

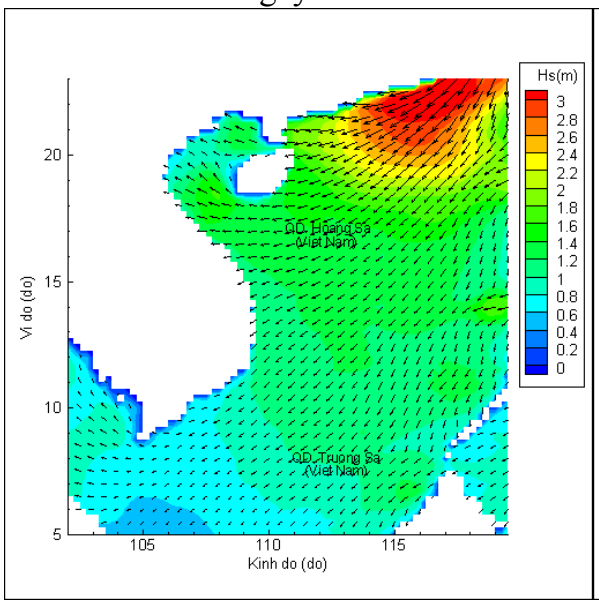

Lúc 01h ngày 18/02/2022

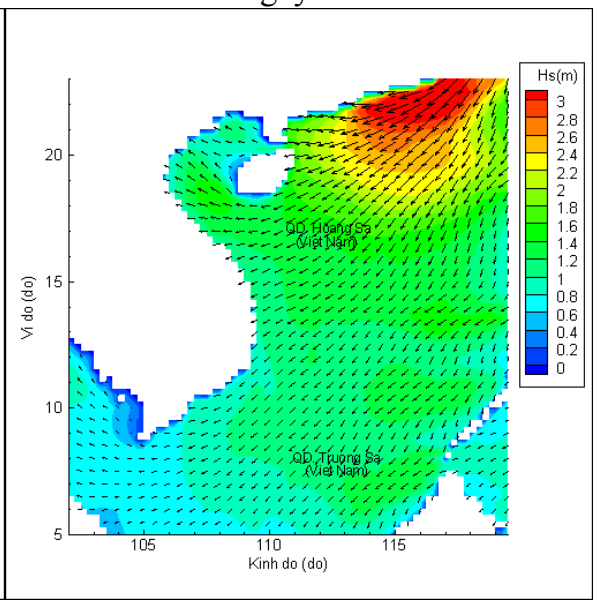

Lúc 13h ngày 18/02/2022

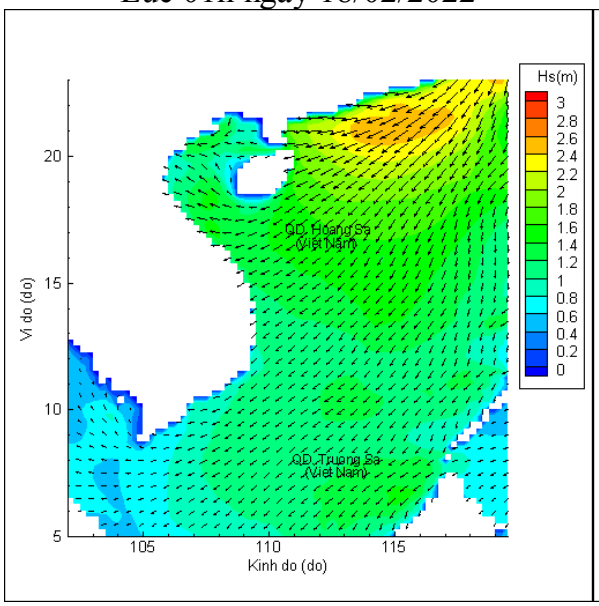

Lúc 01h ngày 19/02/2022

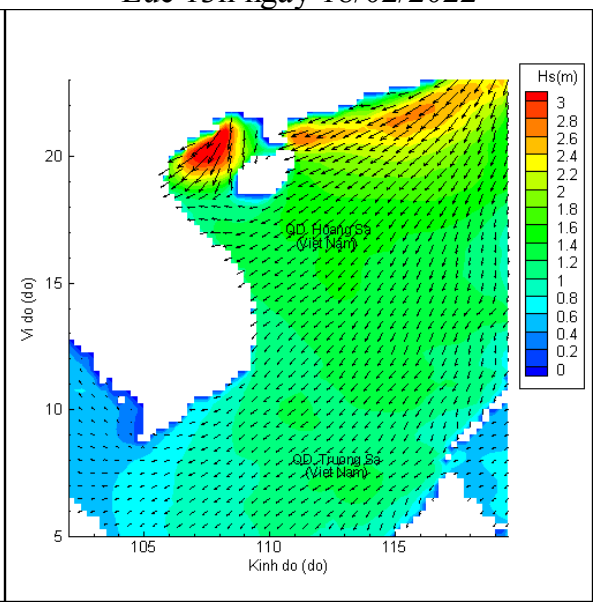

Lúc 13h ngày 19/02/2022